

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 193/2019/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 10 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 21 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 151/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh về việc ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 152/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

Xét Tờ trình số 183/TTr-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất cho các dự án và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 420/BC-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ, có hợp đồng tín dụng với các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án được hỗ trợ một phần lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành đầu tư.

Điều 4. Mức hỗ trợ tín dụng

Mức hỗ trợ là chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng Nhà nước ưu đãi đầu tư (tại từng thời điểm Nhà nước công bố lãi suất tín dụng ưu đãi đầu tư) tính trên số dư nợ thực tế của khoản vốn vay thực hiện dự án được hỗ trợ, tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ, cụ thể như sau:

1. Đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư và dự án của doanh nghiệp nông nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập: Mức hỗ trợ tối đa 3%/năm; tổng số tiền hỗ trợ tối đa 03 tỷ đồng/dự án.

2. Đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư: Mức hỗ trợ tối đa 2,5%/năm; tổng số tiền hỗ trợ tối đa 02 tỷ đồng/dự án.

3. Đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư: Mức hỗ trợ tối đa 2%/năm; tổng số tiền hỗ trợ tối đa 01 tỷ đồng/dự án.

4. Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị: Mức hỗ trợ tối đa đối với từng dự án cụ thể không vượt các mức hỗ trợ nêu trên.

Điều 5. Thời gian hỗ trợ

Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, cụ thể:

1. Đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư và dự án của doanh nghiệp nông nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập: Thời gian hỗ trợ tối đa 08 năm.

2. Đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư: Thời gian hỗ trợ tối đa 06 năm.

3. Đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư: Thời gian hỗ trợ tối đa 05 năm.

4. Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

Điều 6. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất

Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

Điều 7. Phương thức hỗ trợ đầu tư

Hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp sau khi dự án hoàn thành đầu tư.

Điều 8. Thời gian thực hiện chính sách: Bắt đầu từ ngày 01/01/2020.

Điều 9. Nguồn vốn và mức vốn thực hiện chính sách

1. Nguồn vốn: Vốn cấp bù lãi suất cho các dự án được bố trí từ nguồn vốn ngân sách tỉnh.

2. Mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để đảm bảo hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh: Ngân sách tỉnh dành tối thiểu 5% vốn chi ngân sách tỉnh hàng năm cho ngành nông nghiệp (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) để thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành tổ chức thực hiện; định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

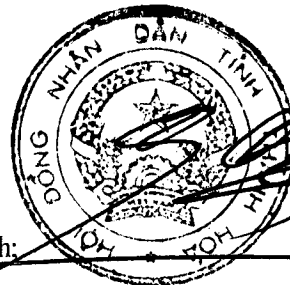
Điều 11. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 16 tháng 10 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và ĐT; Bộ Tài chính; Bộ NN và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND; UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Chiến